Bo Phap Tu - 09

Vi Diệu Pháp — Bộ Pháp Tụ

Bo Phap Tu - 09

Vietnamese, with Unicode VU Times font

THERAVĀDA

ABHIDHAMMAPIṬAKA - TẠNG DIỆU PHÁP

DHAMMASAṄGANI

BỘ PHÁP TỤ

Dịch giả:

Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ

SANTAKICCA M ahā Thera

Xin lưu ý: Cần có phông UnicodeViệt-Phạn VU Times cài vào máy để đọc các chữ Pàli.

TRÍCH CÚ TỪ ĐIỂN

PADABHĀJANĪYĀNUKKAMO.

Akakkhaḷatā 59.60.243.532.581.672.859. Sự không cứng rắn, trạng thái không thô cứng.

Akathinatā 59.60.243.532.581.672.859 . Sự không thô thiển, trạng thái không cương ngạnh.

Akaniṭṭhadeva 829. Sắc cứu cánh thiên, cõi Phạm thiên sắc cứu cánh cao tột sắc giới.

Akappiya 752. Sự không thích thích đáng, không đáng, không thích hợp, không hợp.

Akammaññattā 751.798. Sự không thích hợp việc làm, không thích sự, không thích nghiệp.

Akaraṇa 218. Sự không hợp tác, không hành động.

Akalyatā 751.798. Sự không khéo léo, không bén nhạy ...

Akakiriyā 218. Sự không làm, không hành vi.

Akutilatā 66.859. không quỷ quyệt, không quanh co.

Akusala 1.45.82. 1.39.275.482.663. Bất thiện, không lành, chẳng lành.

Akovida 671. Không thông suốt, không hiểu rành.

Aganthaniya 6742.928. Không đáng bị phược biết, phi cảnh phược.

Agāravatā 852. Sự không tôn trọng, không cung kính, thái độ không tôn trọng, không cung kính.

Aguttadvāratā 15.862. Sự không phòng hộ căn môn, sự mà căn môn không

phòng hộ.

Agutti 826. Sự không phòng hộ, không giữ.

Agopanā 862. Sự không bảo hộ, không gìn giữ, không trông coi.

Aggahitatta 728. Thái độ không chiếu cố, không nhiếp, không tế độ.

Agga 530. 578. Trống không, trống rỗng.

Aghagata 530. 578. Hiện tượng trống không, trống rỗng.

Acaṇḍikka 860. Sự không hung tợn, không dữ dằn.

Acetasika 11.503.768.944. Phi sở hữu tâm, phi tâm sở.

Ajāta 683. Chưa sanh, chưa được sanh ra.

Ajimhatā 63.66.859. Sự không cong vạy, sự không cong queo.

Ajjhatta 1.140.178.686. Nội phần, phần bên trong.

Ajjhattabahiddhārammaṇa 1.687. Có cảnh nội ngoại phần.

Ajjhattārammaṇa 1.687. Có cảnh nội phần.

Ajjhattika 11.552.561.933. Thuộc về bên trong, thuộc nội phần.

Ajjhosāna 691.737. Sự mê đắm, sự quyến luyến.

Aññātāvindriya 470.274. Tri cụ tri quyền.

Aññātāvī 471. Người thấu rõ, thấu triệt, tri cụ.

Aññāṇa 300.691. Sự không hiểu, sự không biết, bất tri, vô cụ.

Aññindriya 271.422. Tri dĩ tri quyền .

Aṭṭhaṃsa 521. Bát giác, tám góc.

Atthavidha 659.691. Không phải cho, trái ý, sự nghịch lòng.

Aṭṭhānakusalatā 15.858. Sự rành pháp phi lý, khéo hiểu pháp phi vị trí, rành phi vị trí.

Aṭṭhikasaññāsahagata 191. Câu hành hài cốt tưởng, liên hệ tưởng, hài cốt.

Aṭṭhitakiriyatā 875. Sự hành vi không đứng lại, không đình chỉ, không cố trụ.

Aṭṭhindriyā 74.141. Bát Quyền, tám (danh) quyền.

Anu 521. tế, vi tế, nhỏ.

Andakā 861. Cục, hòn, lời nói gai góc.

Atapaniya 15.840. Phi viêm, pháp không đốt nóng.

Atīta 1.654.895. Quá khứ, cái đã qua rồi.

Atītārammaṇa 1.685.896. Có cảnh quá khứ.

Attabhāvapariyāpanna 516. Liên hệ tự thế, liên hệ thân.

Attamanatā 24.80.204.283.860. Sự hoan hỷ, thái độ hoan hỷ.

Attavādupādāna 784.956. Ngã chấp thủ.

Atthaṅgata 684. Biết mất, đã biến đổi, đã dập tắt.

Atthaṅgama 146.192.418.496. Sự dập tắt, sự biến mất.

Adandhanatā 57.241.531.580. Sự không chậm chạp.

Adassana 300.691. Không thấy, vô kiến, bất kiến.

Adassāvī 671.784. Người không thấy, không gặp.

Adukkhamasukha 1.131.146.664. Phi khổ phi lạc.

Adūsanā 48.232. Không sân, không hờn giận.

Adūsitatta 48.232. Thái độ không hờn giận, không tức tối.

Adosa 48.232.493 .Vô sân, không sân hận.

Adhammarāga 691.737.792. Tham phi pháp.

Adhāraṇatā 864. Sự không nắm giữ, không ghi nhận.

Adhivacana 15.841. Định danh, pháp chỉ tên, đặt tên, kêu tên.

Adhivacanapatha 15.841. Phương pháp, định danh, cách thức định danh.

Adhivāsanatā 860Sự nhận chịu, sự chịu đựng.

Anajjhāpatti 281. Không phạm đến, không vi phạm.

Anaññatanassāmītindriyo 215. Tri vị tri quyền (hiểu cái chưa từng hiểu).

Anattamanatā 326.691. Sự không hoan hỷ, sự bất bình.

Anattha 691. 793. Bất lợi vô ích.

Ananubodha 300.691.754. Sự không hiểu ngộ, sự không giác ngộ.

Ananussati 864. Không tùy niệm.

Anantavā 711.723. Vô biên, không có cùng tột, không giới hạn.

Anantavādiṭṭhi 1 5. Vô biên kiến, nhận thấy không có sự cùng tận.

Anabhijjhā 47.50.196. Vô tham ác.

Anabhinibbatta 683. Chưa sanh khởi, chưa sanh thành.

Anabhisamaya 300.691.754. Không chứng đắc, không đạt đến, không suốt thông.

Anavajjatā 863. Sự vô tội, sự không lỗi lầm.

Anavasesappahāna 272.470. Đoạn trừ không dư sót, trừ tuyệt.

Anasuropa 860. Không thô lỗ, không, không lỗ mãn.

Anāgatā 1.684.895. Chưa đến, vị lai.

Anāgatārammaṇa 1.896. Có cảnh vị lai, biết cảnh vị lai.

Anādaratā 852. Thái độ không quan tâm, thái độ không lãnh hội, thái độ bất cần.

Anādariya 852. Sự không quan tâm, sự không tiếp nhận, sự bất cần.

Anārakkha 862. Không hộ trì, không bảo vệ, không bảo hộ.

Anārammaṇa 11.503.766.942. Vô cảnh, bất tri cảnh.

Anāsava 4.714.914. Phi cảnh lậu, không thành cảnh lậu.

Anikkhittacchandatā 28.37.208.486. Thái độ không bỏ qua nguyện vọng, thái độ không bỏ rơi ước vọng.

Anikkhittadhuratā 28.37.208.486. Thái độ không bỏ qua phận sự, thái độ không bỏ qua nhiệm vụ, thái độ không bỏ rơi việc làm.

Aniccatā 515.537.586.632. Trạng thái vô thường, không thường còn.

Anidassana 1.3.513.516.540.703. Bất kiến, vô kiến .

Anindriyabaddharūpa 897. Sắc không liên hệ quyền.

Anibbattā 683. Không sanh ra, chưa sanh ra.

Animitta 423.452. Vô tướng, vô chứng.

Aniyata 14.503.892.985. Bất định, pháp không nhất định.

Aniyyānika 14.503.984. Phi dẫn xuất.

Anīvaraṇiya 9.756.932. Phi cảnh cái, không đáng bị pháp cái biết.

Anukampā 690. Sự trắc ẩn, sự thương xót.

Anuttara 14.834. Vô thượng.

Anuddā 690. Cách thân mật, cách tử tế, cách ân cần.

Anuddāyanā 690. Sự thân mật, sự tử tế, sự ân cần.

Anuddāyitatta 690. Thái độ thân mật, thái độ tử tế, thái độ ân cần.

Anunaya 691.737. Sự xu hướng, sự hướng theo.

Anupādāniyo 1.12.786.957. Phi cảnh thủ, không đáng bị thủ biết.

Anupādinna 1.11.504.666.779.955. Phi thành do thủ, không bị thủ, không do thủ tạo.

Anupekkhanatā 23.80.203.282. Thái độ quan tâm, thái độ theo dõi .

Anuppanna 1.683. Chưa sanh, vị sanh tồn.

Anuppāda 15.877. Vô sanh trí .

Anurodha 691.737. Sự vui thích.

Anuvicāra 23.80. Sự bám sát.

Anusandhanatā 23.80.203.282. Tình trạng khắng khít.

Anussati 29.38.865. Tùy niệm, phụ niệm.

Anekaṃsagāha 331.672.724.797. Không quyết một, không giữ lấy một chiều.

Amoghaniya 7. Phi cảnh bộc, không đáng cho bộc biết.

Anottappa 15.838.839.850.29. Vô quý, không ghê sợ (tội) .

Anottappabala 275. Vô quý lực.

Anolīnavuttitā 875. Tư cách không biếng trễ.

Antaradhāna 537.586.632. Sự biến mất.

Antavā 711.723.761. Hữu biên, có sự cùng tận.

Antavādiṭṭhi 15. Hữu biên kiến, nhận thấy có sự cùng tận.

Antosamorodha 751. Bít ngăn bên trong.

Andhakāra 521. Sự tối, tối tăm.

Apacayagāmi 1.196.260.422.503.276. Nhân đến tịch diệt, nhân đến Níp Bàn.

Aparantānudiṭṭhi 15.849. Hữu hậu kiến, nhận thấy đời sau có chỗ cùng tận.

Aparāmaṭṭha 10.762.938. Phi cảnh khinh thị, phi cảnh thủ trước.

Apariyāpanna 14.664.676.983. Phi hệ thuộc, bất liên quan.

Apariyogāhanā 300.672.724.754.797. Không thẩm nhuần, không thể nhập.

Apātubhūta 683. Không hiện rõ, chưa hiển lộ,

Apīlāpanatā 29.38.209.865.Không lơ đãng.

Apekkhā 691. 737. Sự lưu luyến, sự khao khát.

Apaccakkhakamma 300.691.754. Sự không phản tỉnh, sự không soi sáng.

Appaccaya 3.701.906. Vô duyên.

Appaccavekkhaṇā 300.691.754. Sự không phản kháng, sự không xét lại .

Appatikūlagāhitā 853. Lập trường không chống đối.

Appatigha 1.3.545.704.909. Vô đối xúc, vô đối chiếu.

Appativāṇitā 15.875.Không thối thất, không lui sụt.

Appaṭivedha 300.691.854. Sự không thông suốt, không thấu đáo.

Appatisaṅkhā 862. Không quán tưởng.

Appatissati 864. Không nhớ lại.

Appatissavatā 852. Không vang thuận.

Appaṇihita 264.425.469. Vô nguyện, phi nội.

Appanā 22.36.217. Sự an chỉ, sự chăm chú, chuyên chú vào.

Appamāṇa 1.169.678.889. Vô lượng, không đo lường được.

Appamāṇārammaṇa 1.168.679. Có cảnh vô lượng, pháp biết cảnh vô lượng.

Appassuta 852. Thiểu học, thiểu văn.

Appītika 14.824. Pháp vô hỷ.

(Appītika) Apharusavācatā 861. Thái độ lời nói không thô bạo.

Abbhā 521. Mây.

Abbhatthaṅgata 684. Biến diệt.

Abyākata Vô ký .

Abyākatamūla 439. Căn vô ký .

Abyāpajja 48.51.232.690. Vô sân độc.

Abyāpāda 48.51.196.232.690. Vô sân độc, vô sân ác.

Abhijappā 691.737. Sự tham cầu.

Abhijjhā kāyagantha 737. Tham ác thân phược.

Abhinibbatta 683. Đã sanh khởi .

Abhiniropanā 22.36.217. Sự khắng khít cảnh.

Abhinivesa 291.671.711. Khuynh hướng, sự thiên chấp.

Abhippasāda 27.40.82.207. Tịnh tín.

Abhibhāyatana 188. Thắng xứ.

Abhilāpa 841. Sự nói, gọi tên.

Amattaññutā 15.862. Tư cách không tiết độ trong vật thực.

Amanasikāra 192.418.496. Không tác ý.

Amanāpiya 559. Không đáng ưa.

Amanussasadda 522. Tiếng phi nhân, tiếng của loài không phải người.

Amoha 31. 49.233.471.493. Vô si, không mê muội.

Ambaṅkuravaṇṇa 521. Màu xoài song.

Ambila 524. Vị chua, chất chua.

Ayoganiya 8.phi cảnh phối.

Araṇa 14.835.987. Vô chiến, không nhiễu loại, không quấy nhiễu.

Arahattaphala 677.888.Quả A La Hán.

Ariya 143.785. Thánh, bậc Thánh nhân, bậc cao quí.

Ariyadhamma 671. Pháp của bậc Thánh.

Ariyamaggasamaṅgī 682. Bậc thành tựu Thánh Đạo.

Arūpasaññī 178.Bậc không tưởng sắc.

Arūpāvacara 14.418.982. Vô sắc giới.

Arūpajjhāna 192. Thiện vô sắc.

Arūpī 3.14.126.128.705.910. Phi sắc, chẳng phải sắc.

Arūpūpapatti 418. Đạt đến vô sắc.

Alubbhanā 47.231. Không nhiễm đắm.

Alubbhitatta 47.231.Không tham đắm.

Alobha 47.231.493. Không tham muốn, vô tham.

Avaṅkatā 65.66. Thái độ không vặn vẹo.

Avajja 752. Không lội lầm, vô tội.

Avajjasaññitā 752. Thái độ tưởng không có tội.

Avaṭṭhitā 486. Sự vững vàng.

Avikkhepa 15.26.30.486. Không lao chao, bất phóng dật.

Avicāra 14.140.823. Vô tứ.

Avijjā 15.300.691.712.754. Vô minh.

Anvijjānīvaraṇa 754.931. Vô minh cái.

Avijjānusaya 300.691.712.754. Vô minh tùy miên.

Avijjāpariyuṭṭhāna 300.691.712.754. Vô minh án ngữ.

Avijjāyoga 300.691. 712.754. Vô minh phối .

Avijjāsaññojana 714.919. Vô minh triền.

Avijjāsava 712.717. Vô minh lậu.

Avijjogha 300.691. 712.754. Vô minh bộc .

Avitakka 1.14.140.417. Vô tâm. Không có tầm.

Avitthanatā 57.58.241.531.580. Không chần chờ, không chậm chạp.

Avinīta 671.784. Không rèn luyện.

Avisāhatamānasatā 26.30.39.206.486. Tính cách tâm không xao xuyến.

Avisāhāra 26.30.39.206.486. Không tán loạn.

Avīciniraya 828. A Tỳ địa ngục.

Avūpasama 335.752. Không vắng lặng.

Avūpasama 13.964. Phi phiền toái.

Asaṅkiliṭṭhasankilesika 1.503.667. Phi phiền toái cảnh phiền não.

Asaṅkilesika 13.803.963. Phi cảnh phiền não.

Asaṅkhata 3.666.702.844.907. Vô vi.

Asaṅgāhanā 300.691.754. Không nhiếp thu, không thu nhận.

Asaññojanīya 5.731.920. Phi cảnh triền.

Asantuṭṭhitā 15.862. Thái độ không tri túc.

Asamakkhanā 300.691.754. Không xét đoán.

Asamādhisamvattanika 861. Dẫn đến sự không yên tâm.

Asamuppanna 683. Chưa tương sanh.

Asampajañña 15.300.691.754.864. Không tỉnh giác.

Asamphuṭṭha 530.578. Không chạm được, không xúc chạm nhau.

Asambodha 300.691.754. Không thực chứng.

Asammosa 874. Không giảm thiểu.

Asaṃvara 862.Không thu thúc.

Asaṃvuta 862. Sự không thúc liêm.

Asaraṇatā 864. Trạng thái không nhớ được.

Asassata 711.7243. Không trường tồn.

Asāta 131. Sự không vui, sự bất an.

Asādu 524. Vị dở, vị không ngon.

Asārajjanā 47.231.234. Sự không quyến luyến.

Asārajjitatta 47.231.243. Thái độ không quyến luyến.

Asārāga 47.231.243. Sự không tham luyến

Asithilaparakkamatā 28.37.208.486. Không nhụt chí, không nhủn chí .

Asuropa 326.691.B4.3D.721. Lỗ mảng, không lịch sự.

Asekkha 1.503.677.888. Vô bọc.

Asaddha 852. Không có đức tin.

Assutavā 671. 784. Vô văn, không nghe.

Ahirika 15.838.839.850. Vô tàm.

Ahirikabala 275.Vô tàm lực.

Ahetuka 2.503.900.Vô nhân.

Ākāsadhātu 530. Hư không giới.

192.418.496.896. Không vô biên xứ.

Ākāsānancāyatana 192.418.496.896. Không vô biên xứ.

Ākincannāyatana 192.420.498. Vô sở hữu xứ.

Āghāta 691.793. Sự hiềm khích.

Ācaya 534.583.629. Sự tích trữ.

Ācayagāmi 1.503.676.887. Nhân đến tích tập, nhân đến luân hồi.

Ājjava 15. Chánh trực.

Ājjavatā 859. Sự chánh trực, cách ngay thẳng.

Ātapa 521. Nắng.

Ādāsamaṇḍala 521. Mặt kính, mặt gương.

Ānantarika 681.833. Vô gián.

Āpattikusalatā 15.854. Cách thiện xảo về tội.

Āpattikhandha 854. Nhóm tội.

Āpattivuṭṭhānakusalatā 15.854. Cách thiện xảo về sự xuất tội.

Āpo 541.579. Nước.

Āpokasiṇa 177. Đề mục nước .

Āpodhātu 504. Thủy giới, nguyên chất nước.

Āmagandha 523. Mùi tanh.

Āmisapatisanthāra 861. Sự tiếp đãi vật chất.

Āmodanā 80.204. Sự hân hoan.

Āyatanakusalata 15.857. Cách thiện xảo về xứ.

Āyu 34.79.214.290.348.536.575.585. Thọ mạng, tuổi thọ.

Āyūhanī 69.737.792. Trữ tình.

Ārati 218. Sự chừa bỏ.

Ārammaṇa 171.504. Cảnh .

Āruppa 883.893.975. Thuộc vô sắc.

Āloka 521. Ánh sáng.

Āvaraṇa 691.737. Chướng ngại .

Āvāsamacchariya 728. Bỏn xẻn chỗ ở.

Āsappanā 627.724.797. Tính vớ vẩn.

Āsava 4.913. Lậu hoặc.

Āsavavippayutta 4.715.915. Bất tương ưng lậu.

Āsavasampayutta 4.715.915. Tương ưng lậu.

Āsā 691.737. Sự mong mỏi.

Āsevanā 875. Sự thực hành .

Āharā 74.99.445.469. Vật thực.

Icchā 691.737. Ham muốn.

Itthākappa 525.573.619. Thái độ nữ.

Itthitta 525.573.619. Tánh hạnh nữ.

Itthindriya 505.525.542.573.619.660. Nữ quyền.

Itthīkutta 525.573.619. Nết na nữ.

Itthīnimitta 525.573.619. Tướng nữ, tượng nữ.

Itthībhāva 525.573.619. Trạng thái nữ.

Itthīlinga 525.573.619. Nữ căn.

Idappaccayatāpaticcasamuppanna 672.619. Duyên tánh y tương sinh.

Iddhipāda 269.445.469. Như ý túc.

Indriya 15.74.99.269.445.469.536.585. Quyền.

Iriyanā 34.79.214.290.348.575. Sự tiếp diễn.

Issā 727. Tật, ganh tỵ .

Issāyitatta 727. Thái độ ganh tỵ .

Issāsaññojanā 727.734.919. Tật do triền.

Ucchedadiṭṭhi 15.847. Đoạn kiến.

Ujukatā 65.66.Cách ngay thẳng.

Uṭṭhita 683. Khởi dậy.

Unnati 722.795. Kiêu căng.

Unnāma 722.795. Kiêu căng.

Udakasadda 522. Tiếng nước chảy.

Udīrana 529.577. Thuật sự.

Uddhacca 334.335.752.791. Lao chao, tán loạn, trạo cử.

Uddhaccakukuccanīvaraṇa 931. Trạo hối cái.

Uddhaccasahagata 901.930. Câu sanh phóng dật.

Uddhumātakasaññāsahagata 191. Câu hành tưởng tử thi sình .

Upakkilesa 691.737. Tùy phiền não.

Upacaya 504.534.629. Thừa kế.

Upacitatta 338. Sự được tích trữ.

Upaparikkhā 31.33.211.471. Nghiên cứu.

Uparitthima 677.837. Cao tột.

Uparima 888. Cao tột.

Upalakkhaṇā 31.35.211.471. Phán định .

Upavicāra 28.80.203. Chăm nom,chăm sóc.

Upādā 11.504.634.778.954. Y sinh .

Upādāna 12.691.737.780.956. Thủ.

Upādānavippayutta 12.958. Bất tương ưng thủ.

Upādānasampayutta 12.958. tương ưng thủ.

Upādāniya 1.12.503.783.957. Cảnh thủ.

Upādinna 1.11.504.779. Bị thủ, thành do thủ.

Upekkhā 130.146.669.Xả.

Upekkhāsatiparisuddhi 146. Xả niệm thanh tịnh.

Upekkhāsahagatā 1.14.134.190.472. 669.979. Câu hành xả.

Uppanna 1.683.894. Đã sanh, vi đáo.

Uppannaṃsa 683. Thành phần đã sanh khởi.

Uppādī 1.683.894. Chuẩn sanh.

Uyyāma 27.37.208.486. Sự cố gắng.

Usuma 656. Cách nực.

Usūya 727. Ganh ghét.

Usūyanā 727. Sự ganh ghét.

Usūyitatta 727. Thái độ ganh ghét.

Usmā 656. Sự ấm áp.

Usmagatā 656. Làm cho ấm.

Ussāha 28.37.208.486. Sự siêng năng.

Ussoḷhī 28.37.208.486. sự nỗ lực.

Ekattha 663. Đồng nương, đồng trứ.

Ekodibhāva 140. Nhất điểm.

Ejā 691.737.792. Khát vọng.

Okappanā 27.40.82.207. Tín nhiệm.

Ogha 7.691.747.931. Bộc lưu.

Oghaniya 7.503. Cảnh bộc lưu.

Oghavippayutta 7. Bất tương ưng bộc.

Oghasampayutta 7. tương ưng bộc.

Ojā 538.587.633. Dưỡng tố .

Ottappa 15.126.128.196. Quý.

Ottappabala 46.82. Quý lực.

Odagya 538.587.633. Cơm.

Odāta 521. Màu trắng.

Odātakasiṇa 177. Đề mục trắng.

Odātanidassana 188. Trắng trong suốt.

Odātanibhāsa 188. Trắng lấp lánh.

Orima 516. Bên này.

Olīyanā 751.798. Sự chần chờ.

Oḷārika 504.553.599.637. Thô thiển.

Kakkasa 861.Gút mắc.

Kakkhaḷa 540.656. Cứng sượng, cứng.

Kaṅkhā 331.672.724. Cách lừng chừng.

Khankhāyitatta 331.672.724. Thái độ lừng chừng.

Kaṭuka 524. Vị cay.

Katukancukatā 728. Hà tiện.

Kaṇṇasukha 861. Êm tai.

Kaṇha 15.839. Pháp hắc.

Katattā 338.542. Được tạo.

Kadariya 728. Keo kiết.

Kappiya 752. Sự thích hợp, sự đúng.

Kabaliṅ-kāra āhāra 504.583.612. Thức ăn, đoàn thực.

Kammaññatā 61.255.504.533.582. Thích nghiệp, thích sự, sự thích hợp, việc làm thích nghi.

Kammaññatta 61.245.533.582. Cách thích hợp với việc làm, cách thích sự, cách thích nghi.

Kammaññabhāva 61.245.533.582. Trạng thái thích sự, trạng thái thích hợp việc làm, tình trạng thích nghi.

Karuṇāsahagata 190. Câu sanh bi.

Kalyaṇamittatā 15.853. Có bạn lành.

Kasāva 524. Vị chát.

Kāma 139Dục.

Kāmacchanda 720.749. Dục dục.

Kāmacchandanīvaraṇa 748.759.931. Dục dục cái.

Kāmajjhosāna 709.720.749. Tham luyến dục, dục luyến.

Kāmataṇhā 709.691.720.737. Dục ái.

Kāmanadī 709.720.749. Dục hỷ.

Kāmapariḷāha 709.720.749. Dục nhiệt não.

Kāmamucchā 709.720.749. Say mê dục lạc.

Kāmarāgabyāpāda 271. Dục tham và sân độc.

Kāmarāgasaññojana 720.734.919. Ái dục triền.

Kāmasincha 709. 720.749. Dục tình.

Kāmavacara 14.338.503. Dục giới.

Kāmāsava 709. 913. Dục lậu.

Kāyakamma 663.674. Thân nghiệp.

Kāyakammaññatā 61.196.245. Thích thân vừa việc làm của thân danh.

Kāyagantha 736. Thân phược.

Kāyaduccarita 291.840. Thân ác hạnh.

Kāyadhātu 520. Thân giới.

Kāyapāguññatā 63.196.247. Thuần thân, sự thuần thục của thân danh.

Kāyapassaddhi 55.196.239. Tịnh thân.

Kāyamudutā 59.196.243. Nhu thân.

Kāyalahutā 57.196.241. Khinh thân.

Kāyaviññatti 504.528.542.622. Thân biểu tri.

Kāyaviññāṇa 472.540.558.604. Thân thức.

Kāyaviññāṇadhātu 354. Thân thức giới.

Kāyaviññeyya 508.657.707. Thân ứng tri.

Kāyasamphassa 504.520.540.557. Thân xúc.

Kāyasamphassaja 354.473. Thân xúc sở sanh, sanh từ thân xúc.

Kāyasucarita 841. Thân thiện hạnh.

Kāyāyatana 504.520.542.601. Thân xứ.

Kāyindriya 504.520.660. Thân quyền.

Kāyujukatā 65.196.249. Chánh thân.

Kāḷaka 521. Màu đen.

Kiriyahetu 900. Nhân duy tác.

Kiriyā 482.665. Tố, duy tác, hạnh.

Kilesa 13.663.674.926. Phiền não.

Kilesavatthu 791.926. Điều phiền não, chuyện phiền não.

Kilesavippayutta 13.965. Bất tương ưng phiền não .

Kilesasampayutta 13.965. Tương ưng phiền não .

Kukkucca 752. Hối, hối hận.

Kukkuccāyanā 752. Sự hối hận.

Kukkuccāyitatta 752.50. Thái độ hối hận.

Kucchivitthambhana 538.587.633. Vật no bụng.

Kujjhaṇā 691. Cách hiềm hận.

Kujjhitatta 691. Thái độ hiềm hận.

Kummagga 291.671. Sái đường, lạc đường.

Kummāsa 538.587.633. Bánh ướt, bánh tươi.

Kulamacchariya 728. Bỏn xẻn gia đình.

Kusala. Thiện, lành.

Kusalamūla 47.232.633. Thiện căn.

Kusalavipāka 365. Quả thiện.

Ketukamyatā 722.759. Kỳ vọng.

Kodha 691. Hiềm hận.

Kopa 691. Sự giận.

Kosalla 31.35.211.471. Khéo léo, rành mạch.

Khaṇḍicca 536.585.631. Trạng thái lung lay, răng long.

Khanti 15.860. Nhẫn nại.

Khandha 76.99.269.445.469. Uẩn, phần, nhóm.

Khandharasa 524.Vị thân cây.

Khamanatā 860. Thái độ nhẫn nại.

Khaya 15.537.586.632.877. Đoạn trừ.

Kharagata 656. Thô cứng, rắn.

Khārika 524. Vị bùi.

Khippābhiññā 163. Đắc, chứng đạt nhanh chóng, đắc cấp.

Khīra 538.587.633. Sửa.

Khetta 516. Ruộng.

Gantha 6.691.737.952. Phược, trói.

Ganthaniya 6.503.742.928. Cảnh phược.

Ganthavippayutta 6.743.930.Bất tương ưng phược.

Ganthasampayutta 6.742.929. tương ưng phược.

Gandha 518. Hương, khí, mùi.

Gandhadhātu 504.523.570. Khí giới.

Gandhāyatana 5w,?$J*rD OL \ja};c-j8X PSWu^XAPTK[V>cEX]5Ac2.|ŰvB%]C
DUvq{C[J_Ƙ-Eo&t1 ©pE! 0fh#$91HQ/!Äv2&Z3 W3@S:b &ϑ
e)ɗTĠ|(R1"(B:$źrF eΨWrtk@VDa^:U?QPW)8GXvRy7Mlt\WSI
=v0z*@xz; Te: LNO.pZ`]6p(eTHVxPi"D(e0 H.Fhp&$i`ɠe% XU m~
KN#{IΨ %h9pQd l$q'M_^.z~r CũM ;a%%C(_.-g4Q'YB.54]qC]0|)+
endstream endobj 153 0 obj > endobj 154 0 obj >stream x\K;9NK~ /-@KNy d/[R~*
> pk?; `m)o D _2 sQ`; : L^@@DY|>N\PC _[$m F;fe@OpJLTF|{>^
<>?xzo%W$.> V{hX Òa=qprD9 VFHDh#}A HHkV.AR.je IrJ_F '!BO hi
H;(vd$*W{8 '8fuFOxzÍ> ETOpOVr&υtL|n|@g
A)L3B^ǿ{}\K8w{%2+ERw w{'}PR Dn$,eH-b%Wut>G}(!j>p8B E,.Ḥi$X
81w {;xBr$ I"KL4w ɜ1DlTɣYr}^+=p D F]t0*lK«Ztj_IvLTZ;&&uA>@
Dβ1#t\4ZPV%I&&D`Ṽ2 Z ǵS\ -h7"yxb u]s-
DMIF6w^R]Y*_{It7aOqS|ZimWӊ#DbOvL!NCLe pk)n1$-h)O)=5*!4
WcOX.-aTNC6! iX]Zt1dN5 AwbʁR V:TqQWBz{Cn [@jOZIEE0RyV'uSA
sPhzRA{s v_V%K#KMgeA1Hfg FvY=X. ffz,T2j
G>86gFɥ(#(JFSU8-I~YȍRPhU{H'%)ʰ t HMw-g#[N8 [yKθ@-@AKIh(Y

4

Q{- CR Soxtx:9o`J*KF|8ivƀ>
".
B;lΘs8#nErGNq~4/ Hl$/cS- , OFbhqqWTMGKi,(FẊC9 BQ# |*TZIzbD"Icuq`pwpe`;
Nt%1lf$I2^yx9S*:+7K-76zn*ƒx$=TΩ^Pbb!UABe̓CSN:82R*[(]Ƀ!W"0
"8^?H(JQ C$. RJV_/&g HA/}P+#gOyVq
B"/7DPR]cC8ʌoIʔȣfw!e>wa]>_ E vP]CG#bUq|)"J'qvjɬU$[.
_³YjIЄjJʁ_wbfZ1WG 0XXXR=@.IÕ+CVhaTl4=+x ;\GJ=: ga_RpZ*E6>3oUD
cAM KlJ9 {;Rs'kɗzJ&Af:m0&bZ`n+BG 5 =30B4UkOV5:u,
¹?+^%oI&>y;3[iE 7Y IX d. (=)?Bjcll%AP 4y⬐!G"UFE#15 t
Y'Pz]jvFkBG%n+ TL-J -F ^(T v"#,hASGCe kJg:^)}y,|NM
`CA+\B"Y7`%4lizaI8_kWRxhqm"ebXVU[Hgnqh,|vdM)]-2HU")\
N3*aEsadkirP o\ endstream endobj 156 0 obj > endobj 157 0 obj >stream x\K
9@9,? 4UZ`o4CS^" {'?]=} e&]CEOS7Ji/vSYv_oQUwno*wGuj /t(p_i~{u~}
US}0WIa10 8v oW̰VjGd9` ;.ʒO^ =: yhue 8S6?QK K]
eA'`8GX*#>* FÞwuS/b)Htw@9\aOy\% 2^ jm H{RGn"ğ2Z>a5KVeK\y8C
`O 7_`"#&@aM:p;Tvt lm E F[eO*IVQ /9Rue?P8MX]Ƶ^
63eZW6%wwu3mN̈h#Ṃ:i^} {[M U "~P+_e2Lg xxjL
!A]L%?kkw8!dx']v!F{D#quA_$j!@[>9rw0)9 ^cYeg~NoQW̱|(M.nQE Y,Q
Ɋ.O9EW8fn$+Bϑ} D r2 iT=) Y |cB^a(T}OYIóf89=vVcCt8Pb.']Mt :
!21b V# }25(sx{Sr# X My z-|y$?[]im xZZN3F Z~;ю @-tO-hVL i
8WWUMBcCϘɬBj;Nh6QY%ƵcR+D|(~ d,+VÀ fa b!F258\J
,6Vh&vÅa;:.p*NɬeⓅ .RiX pQd%\@y(+Z1 ;tM6 X ,r'C4*Fcn
u%*UckGC+%_t$IQ~GiF + 7>x[6!'V- ŗPfHf$**VA :i%i/:"DBW5}nn
qjk$7[,)P8ZKgP4f\)V"++E4]y0Bp9B!JJÂPZxV*b5`]I=dbKyn O

E@xr!"}|^9LE$UJ v[T >&&ö#X7 wm~Ap:D?a endstream endobj 159 0 obj > endobj 160 0 obj >stream x\I#_Adȥ6h-i`nc?a7YTUz-4çʊ=c+2 S)q_I~tu|?Vm[Mnq^f'BOzO[8Ew>a B4Aj:\6HZ 3,*w%p Ƀ^Tn(j^ 32Kg 2{Ò> WÑr 5p t3l`-BkUGiMvKd[DojKP{ON{ ' z$ꝼ3Ay]È GIzJB>r{v=)iM-hTAwq{abLL\ ] @q;Hh03Ka@4:C.x!H@,Q`,V9Z 7*=w@G3A/qWmV"OhZ8SGt1!N9s !w,H2#(A ow g|9"l'on9Q"r\Kg7+OqrGPq= {t8nkR IUS HIK@'j/M!wK7\@fGL4+ Q\ ."'IvEs59$ V-p"E hRȒzVz0=l{IF;>R3 K%,9Ss"Bw0Ea 9,f&[ʙYG"GvDr1xw.x|d)0T!wWx'9`W _İmS*ПЇC4(FRc{H$7G(_Abz!!3F$*ǴG5 @UɏZ0xorK: ,r%C`M4zy Q RpLs!W "Z =VY0pl+Y a :K7mvVOjy = 54/f{=^$ J2C",VG8^pvq VE Bz9HȒK^hXi#2] 9+s\\F)tc 5VÃO]0-aGZaH.Y"rYVTr@ 6%3J 'i.(Q'6_ 74!Mu%geW P 8_HT `Ɲq@[# H\'v~rC2Kw?S94#ax@rV_h 3^Au\/cĚ+m6T;?'jq q-[s\lT,iI s/$D"D(%Qb ~ da@zQ5u6 =DKQZn]XhcAC 2 XU42_Nyk 1Yc ~\U VXj0TOxC#vc0g06*;f,(+K{9w[)TK Ao6EpPiʿT2%9xǵ/S a"k\v C9O+bma7(wF+;i-Q>I4>#xlC mV*mlx{q eX p3'qʁ6:1t e`dCMHjeyB{P{ /8DrƧTe^4aYd/)OR_õFC RS9jNgLP?`=`0aE > endobj 163 0 obj >stream x\K:%e\MĽŐU^02|GGo3 , K5\8ij?&sSc+k1rx:5.rOoYP/~eAK7eh.K2]^ /Cep:0sub/àv~: xa|{?yu{ }k\,^_pp | :e,2$ Fx5 í~=;2qt\km IK] i1X #=*^ ө?e] q'/z|o ||Lm_v7oDAƛ!aDMa `ud:A6x/` hMK qZJVyK\A3,8~ l#ẘw0.b X;Y}R gR_=H#⊐2tl">+(9G)-&RwXBTIcU[E[ 9RR'&gWjkl{q f aoÅ* >d gdcM'TFdS7i~k8a~s;UKvw &de-m )(2 aB8.T_8-mj4ȳDQ - qWŶM6$1Ty#>hs|n>L &pS+)C@"JW CxQ oM G(.DŁ2D$;taUnzP=c|'22 8AA: ( QàF> p8IwH JLȝ]I/*8q+ 'WQqs/3PS0LaVCŕz}P"bo `c@ỲiO!RDp CZAbkC-I\Fr64ideHuHX-8#aW Es:ml 9C1~N3i¸jiL-ɜ7'Ѝ(K,'9'c) # &\4E5r5d:YdlʜhX {RYP6aBPQ9o2J HTxzKba(N^,ΣXN!hSeW|3 P:`yCBʸ2W2r1A1)V^ >" G2# \zMI`qó ?f̃=Ч !ÎcnKdbgFL:5s Uḑ.PLÈ+LX5!*DI =DxUc/)lWAVKTtJEB!8eH`> B5oEf*-PB\P/baQ3 56qT>Mg-wO+ \e-B-Dgrp(Cl*/0ANLQ! ;BUa[H-L HI[-hjdBc #0\Z+L"t3y^- p n/+30Vu?ϒZT^X(EO60!>Àm1rRVYM@ "j0_x h ^Qe Dp6|\e;! Zǫ4e 0> _| { X_~5HQ2)R(|huUD C3vɐF]4iWt)6 MZj1P '}daF .-ŧ)'e@2e!/jv7x 1,+u8\{x?Ff endstream endobj 165 0 obj > endobj 166 0 obj >stream x\K_@{_p9m $JfCn mIV}! Cc⅂RQf]wiUO?:;]E]~Z}d/Y1+_Uʚ/T uQG2ow_7(_oyZa͡7/6/z.~Y Ljsï +Fi[u-5{f{PV.Oo o;mH 03lG@7,t L mF } d kxw R^]Y8cdw>Ïq;_ ;ow^yn t z aKVaV.) }ʼ;ZW[tgRWhrE`#⊐tWWLq>*( /Qju;&:Hzcj]("ol#35zxaVG9U@/ +)5z Yl~wy'. Bj1l,m!mX_!jG5 1 ⅃n И?Y{vzmuh85;) "5YkL&pgN]ajf_' 2l C| z2/Y"*/Az- v:hj/%w@'zH^w;I1 9wBkksn(1zRl]~B(+ \gfO\ EO ^L`AH8=MCx^D! WEy]tlK;P!GB}ŮK BLA=æʌk;āxbL)q]S,AyduCPk,$l;!ryf*D2j 6ɜ' +" č1.(\~=6+dU=tT >(j@wGuNc ?_N0H TJda7;~YY+M2]r q+ LY]/W\

f(i4&"˜"dsd8PjJc)>@x!Qm| lo\U?la>Y]mqVZ8 wHJYT jt({gc,>r`b@NSTM $rB|R[ )qjy+-C U"bfP$A@L/IX*N.~ c1)76$o?9aP] IG[eђ^KL1P>yOBJ>6KN${eC6e3) Q˳Pky zJU Ub}bkg+BwwGI 6m8:\UIœCalfg @&uOIG(ġ @;2z $=F68%b98uO&l4, > endobj 169 0 obj >stream x\Ks)CL gЃ,#@KfpieL4k 4L4H8{()M~C0UYbdW|# vE G*9wH*sxbL%0GN+óŕa g' R7"0P0.wag(f# 1#p’ %~a:.C$7/ RI ch =EO^V?WY{'(=&0irck cfArL70^&SVȍòS ,D(``wcŤUm̲'O;tt\Bbq)e{ `#nn`6$N!aS z˘-0AX?DD 0VCpu|y* J ooở ~R%H :}H]y~ 0'`3 4d Kb 5:v|8d:pdaY'LKi Ea z3m} :rKR4$,eiVY@O >c# 7.ZL'}( Z=1:f+ 85~g .AuT(*C5 a =aa endstream endobj 171 0 obj > endobj 172 0 obj >stream x\K s{-[~0( n fqnd!hwaIMOEn s3XfTΘ , 8i/[}[ſ[LaRo ~Ncwv hx 'e%Xhof|~-Ђ L m y#T, d^G, cZpĦ?z}ẙ78}n|#ugE}6?Aən ;¶ a :nd4!2 ,*g`5fl1arcq\8 OAk"?82 cS+h+QQ7v 0^oinnŰGO6}xemk{/LwEH/O Phw xFOJ 3==(’>1Fz&k5/hM" \l7>$Sq,bIQPOLpÏD Lh Y(2YΦCOC?Gba= W1x3e˜vmƤ`etub33`""qpXEÛq)"up* TK+FZ_&) endobj 175 0 obj >stream 9o?~\ 04^:{Ng\OoÞo\}prD_OXj/McN8]tíYZsO?nm3˛~lA 0uWT/ !^`Yah.MB_Y9v rk1; ^&X#h w S/ ] ~ p[n{=rUhGwB60 ||D˛/Utj"ӈ`VT }cП~fmK?|}0 aa[P$cghvd {_`"2z`VEq{Yp4]˛} FYM#8 "MT!ː c`bf:@ʟŰH8UYn .`kO[0;wqn!Zg'}~ 6'@c{e~gcom}byqq9Lt6e(UlGI9St8|ٿV=W8/z=n*o? \7^,u?-^~t1(x^zƬ$=#Hsφ]0m C5">>´_&Q[UI XINpWˢ1}Q@hX2P lr :Pu$m}vr}#-p®GQ^8(@D D3D1w!vwYRYx@*ZU:"I? 2cK Sz45t.aYjt + "T\ bD:R~Q_n\#\SeFHH;yp7D8l$&KpXR \}pb)XDh.YVjFAN&q6,XG`9D,8 FQQ@ =Tç1oD"QN*\B=$ƐΨM;K[R4d6)? 1]2i)I[ Uo vwtm(] $xʕOhJѦ W8EjVngH Ac*cw,Mt´# Bu1\Rxg%'rb WmpC'Eid JN[`ş Nxf%m`,_se~o+%* C?{|R@DoytB22RR)

O ^UB?P%džNrb\jXMLBwJ5F,C]G0>Rk S& ,:R;aZIFn?VI"MR+Rœ0]v}B >ҶD%WKmReƷ'@0*G3 vb"9R7%S 78ĽY@2u ',1eTfB0U-i@UtX6g#6$1đXN l4^t 02I/ 6d YV$)FlvQ4 {44\7g#VHd=;Mj KX+8S+#G7SVH+g>RI;SRGR':.F^ϛRm*jY6gj gr(}>*Y~3 V]bXH]]XaR&YY [iQ 6WBv.WI^RF]fĤ P2 NG4EC=e6qj,ω0]Tr8I/ q-jp>>SJr,?('O8Z>j,/} > endobj 178 0 obj >stream x]I9= `n4CS6``2dqJ DkgU4'Ҥɵ }w>!; ~]ss{[;L qy ‘k*n,?~$ ğeH@z `VL$1uIV4 %xv ;>vDw%6z` 8X̆q_^ e.Vwp8vЙMT!ő: yŤůP@U,x'ҷ SXr =u68`p! Qj\8oILl5M-tj'>$J Brbj,3[ |QcEP h&X7 $Ņ=7ey.ur.zVuqu.v^ĂmYSJJ` `G !{T=Za,{]Mq+Ov VMJ dl+ RąihVN%P36x-NiH FC"!_XX.`k#O&kpd&jV; mt·L6zMx Ctv#QdiUycZPZi\ .#3$)Pt MGT,USm]5Z{+Bbfkw4 hX=gwh ς{88$,;ķwbUdtKwe 97orzc|ҕ0%6{.a (\5(ScELxRoasEwdāNXSJ r' 6 ‴6pEo > endobj 181 0 obj >stream x\[~_w,Y @ }|?qT~8Në[ϕV / /; P i$? Lal@Eu2X`93$%!/PYpoycq8)eHъ w`DU^kI*IZBT(Ɒ9b>NP8M8wr ‘vws%;7og:]_E Sc[\ B X!a-8l`?]^%2# @Gwsqo/N9kLI93P 5

t>l~$BB0v+:tUxTJ l@}`kGPQt x ljr^f)qsм, *#Z&-u*Qz[`OA2w*&syV
xP ᴊx&7_54n4+%t%hb[H\xəUeNIhCx?s RHOw s^~xcB SgBEA[m5
VIK%` [$SF0fFr#?J1t X pJ"by T4s1B) Xt/cU f R;Q3"mw(x.%f 1eC2r_h||t3)ɖɵn
TBGfzi7a] lvOmYl\QZ;!q&tz +m{L6z mo
B}5RskYg(k!uV,raWMXB+Ü¥]ZGy& -¼h $ b{X\6ZHW@tṰdiApy1
zCjY{+ T)2"J2IoJtqoT-Zl&765I yAnkǐ!elza`jLW>2VCe=sf-.Th"io+h$8
a_D'%E>Vb1SHRGMCr r\ɲa|yIo#jaN /S,+s'X-lIHJZ[Rv
ƀUnNB^AO-f-&F&hEM]n7Vk:1[F?Kl7X1zTLzx!^cwVK]jY(ǴIb
x?K)Ju[^Û]z-F|.}7ÆxrfhdpyRC"ezzj5
r]pz,$`%_[_:2-|j5gaN~%Id|,GG*%@ }|ic3(.
%¾/9AO$2(reLE>&Ǝ=v/bK bS!g+-v\
].b&'Vc-]TeB0-"V2MJW)@$c~xV%).,]v cGilh-=r6S4^u
)Bşv=R?ruC cXK"oo_k kk(aJF "Ht$z>H0T+:[Pk0@H# \/r3X@)2BhA;L]
ʐVU^&z$?X]Ihdqn_)9! IH Qê(N7j?^@=1 endstream endobj 183 0 obj > endobj 184
0 obj >stream x\I,)r)x450| ~JBJUwaL) Ŧ/"pR0V|vL|Ou>2ñ_;w F
roAMjp:pˇ_~9MPvzXhNX̧ ~/82TO'K>8aƀaP ~6 :l?qa|K_y?al2+rJ
zp2.lW iű3SY:ysV;`3k0nx ;ú`B$.h ^`WO.q=G fsj
t_MRbVV6xB_i6NTN9-Zäfuü `.|LILFo1 3P`-r2L7M[S^% r#E4P
IjʐL)8rK(pNGɋ@%osZ9p˛ fw)GIrf G{
SS1ZXVaOeY"f{ūlAMT*&E|"GS?E_\}f!ŘDW8+C"G xYt!nT zS[S4Ra
\g]IZ^Dp lQ;**9QXD$)"iuY J&!0T)q.yUgDʀn9 hS~NC*
ɐE1Q9[-bX ϵN 4CdX`g " -gy4Ng/oTmr{0q ì+hZVRbCoKU{bY9^ZE
8+>+hE*]o7|\lϖ9|.a`Lb)R 5,Ча> O} TOg9;b+jAF^[z7$eyYhd2
-F, 1KCV/WAf7#V#Y@!"G*? L0\op(n}j¯{eb%t)ϫ CĦ$` I 5tmFǐrq
$W¡7h~@ė,5;8j v[NJ=SDWsTf H5bIA1%ƨ 8$9@~P_rB@r:Fr ')
lJH"?KpQJVR_\|ĩ5%Yl A'*hrg @ V8"eC?w-6h.kl&c*KMO?>RR,*
'M*ʅ(-a(e}g+Fe+@J;W0L n2? DT;91[e/"o;aMl=i%:>pMt?K:.G"E=,`E+9e*_ ~
@o Cn@ |Uan` AWlO}q',*- >0KUrHqp EVKB2]gfOQy%GppM Y+?=Q-3y
)l~9H08PK+auR_NCZSS](YRlAh·p$-AKOl(xNo;ɬL/-0.sK~ŧ5fLUTc
E]w&p5!gWmh ,'dn !0)5r-\BKW=s
En~hGke$,]k'][{3&XyzqlŌ)H_p]+ySvUDgQk&mUxD '8_Ck)
p%oWXU -Û!;ʜT*e+ M3H4m^1%5MDBZu?R/ks~S`p1d @đYTMh}
#Klrd| J] n_/tU.3)N9Wÿx&2_ 4ZnbљİZ~ieP#/ endstream endobj 186 0 obj
> endobj 187 0 obj >stream x\Ks`V#|s)N&ė|HWZZ{U]]WOw3ht7c
/b.~.^n/e}h'b6d7 Jwˣ^~`eh/Mnto?K"?Vh?7!{:so ^ o ʂ]
6d+Z_)ҿe~\0o{_AR%n]Aw_`z Ǵ@e6|m]` MZ?|Q`iK'{8XBd
ob;F5;b:mOV3q"{pW(}2 UvwGdcs_q] AS~^B`P IfG`KL^3Ho 9#v
"%: ` yЬ)!kFgY d1)ran[gQ(aF>w

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.